

Số: 05 /2017/NQ-HĐND

Hà Nam, ngày 19 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị,
chế độ chi tiếp khách đối với các cơ quan, đơn vị
sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ
qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 114/2006/QĐ-TTg ngày 25/5/2006 của Thủ tướng
Chính phủ về việc ban hành quy định chế độ hội họp trong hoạt động của các cơ
quan hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài
chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính quy
định chế độ chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức
các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước;*

*Xét Tờ trình số 1835/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của UBND
tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết qui định chế
độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, chế độ chi tiếp khách đối với các cơ
quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Báo
cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo
luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Quy định Chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, chế độ
chi tiếp khách đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập,
tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh
phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ (gọi là các cơ quan, đơn vị sử dụng
ngân sách nhà nước) trên địa bàn tỉnh Hà Nam như sau:**

1. Chế độ công tác phí

1.1. Đối tượng áp dụng

Cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ; đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khi tham gia hoạt động của Hội đồng nhân dân.

1.2. Mức chi

a) Chi phí đi lại

- Trường hợp thanh toán theo hóa đơn thực tế: Thực hiện theo khoản 1 điều 5 Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính.

- Thanh toán khoản kinh phí sử dụng ô tô khi đi công tác, khoản tiền tự túc phương tiện đi công tác: Thực hiện theo khoản 2 điều 5 Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính.

b) Phụ cấp lưu trú

- Phụ cấp lưu trú là khoản tiền hỗ trợ thêm cho người đi công tác ngoài tiền lương do cơ quan, đơn vị cử người đi công tác chi trả, được tính từ ngày bắt đầu đi công tác đến khi kết thúc đợt công tác trở về cơ quan, đơn vị (bao gồm thời gian đi trên đường, thời gian lưu trú tại nơi đến công tác).

+ Trường hợp đi công tác ngoài tỉnh, mức phụ cấp lưu trú: 150.000 đồng/ngày.

+ Trường hợp đi công tác ngoài tỉnh (đi và về trong ngày) thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp nhưng tối đa không quá 70.000 đồng/người/ngày và phải được qui định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ở đất liền được cử đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo thì được hưởng mức phụ cấp lưu trú: 250.000 đồng/người/ngày thực tế đi biển, đảo (áp dụng cho cả những ngày làm việc trên biển, đảo, những ngày đi, về trên biển, đảo). Trường hợp một số ngành đặc thù đã được cấp có thẩm quyền quy định về chế độ chi bồi dưỡng khi đi công tác trên biển, đảo thì được chọn chế độ quy định cao nhất (phụ cấp lưu trú hoặc chi bồi dưỡng) để chi trả cho người đi công tác.

c) Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác

- Thanh toán theo hình thức khoán:

+ Đối với các chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên:

Mức khoán 1.000.000 đồng/người/ngày và không phân biệt nơi đến công tác.

+ Đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại:

Đi công tác ở quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh, mức khoán: 350.000 đồng/ngày/người;

Đi công tác tại huyện, thị xã thuộc thành phố trực thuộc trung ương, tại thị xã, thành phố còn lại thuộc tỉnh, mức khoán 250.000 đồng/ngày/người;

Đi công tác tại các vùng còn lại: Mức khoán 200.000 đồng/ngày/người.

- Thanh toán theo hóa đơn thực tế:

Trường hợp người đi công tác không nhận thanh toán theo hình thức khoán tại điểm a mục 3 nêu trên thì được thanh toán theo giá thuê phòng thực tế, cụ thể:

+ Đối với các chức danh tương đương cấp Bộ trưởng: Được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ: 2.500.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/1 phòng, không phân biệt nơi đến công tác;

+ Đi công tác tại các quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh:

Đối với các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 đến 1,3: Được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 1.200.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/1 phòng.

Đối với các đối tượng còn lại: Được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 900.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.

+ Đi công tác tại các vùng còn lại:

Đối với các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 đến 1,3: Được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 1.000.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/1 phòng.

Đối với các đối tượng còn lại: Được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 600.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.

d) Thanh toán khoán tiền công tác phí theo tháng

Đối với cán bộ cấp xã thường xuyên phải đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng; cán bộ thuộc các cơ quan, đơn vị còn lại phải thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng (như: Văn thư; kế toán giao dịch; cán bộ kiểm lâm đi kiểm tra rừng; cán bộ các cơ quan tố tụng đi điều tra, kiểm sát, xác minh, tổng đạt và các nhiệm vụ phải thường xuyên đi công tác lưu động khác); thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định mức khoán tiền công tác phí theo tháng cho cán bộ đi công tác lưu động để hỗ trợ tiền gửi xe, xăng xe theo mức 300.000 đồng/người/tháng.

2. Chế độ chi hội nghị

2.1. Đối tượng áp dụng

Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề; hội nghị tổng kết năm; hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác do các cơ quan hành chính nhà nước tổ chức được quy định tại Quyết định số 114/2006/QĐ-TTg ngày 25/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định chế độ họp

trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; kỳ họp của Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân và cuộc họp các Ban của Hội đồng nhân dân; các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề, hội nghị tổng kết năm, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập; các hội nghị chuyên môn, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ hoặc các hội nghị được tổ chức theo quy định trong điều lệ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

2.2. Mức chi

a) Chi thù lao cho giảng viên, chi bồi dưỡng báo cáo viên; người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị: Thực hiện theo mức chi thù lao quy định đối với giảng viên, báo cáo viên tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Các khoản chi công tác phí cho giảng viên, báo cáo viên do cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị chi theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, đơn vị mình và ghi rõ trong giấy mời giảng viên, báo cáo viên.

c) Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức khoán như sau:

- Cuộc họp tổ chức tại địa điểm nội thành, nội thị của thành phố trực thuộc tỉnh; tại các huyện, thị xã thuộc tỉnh: Mức chi 100.000 đồng/ngày/người.

- Riêng cuộc họp do xã, phường, thị trấn tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức): Mức chi 60.000 đồng/ngày/người.

Đối với các kỳ họp của Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân và cuộc họp các Ban của Hội đồng nhân dân thực hiện theo qui định riêng về định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

d) Chi giải khát giữa giờ: 30.000 đồng/ngày/đại biểu.

đ) Chi hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: Mức chi theo quy định tại điểm c, mục 1.2, khoản 1, điều 1 Nghị quyết này.

e). Chi hỗ trợ tiền phương tiện đi lại cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: Mức chi theo quy định tại điểm a, mục 1.2, khoản 1, điều 1 Nghị quyết này.

3. Chế độ chi tiếp khách

a) Chế độ chi tiếp khách trong nước

Mức chi tiếp khách trong nước cụ thể như sau:

- Chi nước uống: Mức chi 20.000 đồng/ngày/đại biểu.
- Chi mời cơm: Mức chi 200.000 đồng/suất và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

b) Chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.
3. Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2017.
4. Nghị quyết số 34/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam về Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ chi tiếp khách đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hà Nam và Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam về sửa đổi một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 34/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam về Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ chi tiếp khách đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hà Nam hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;
- BTV Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Sỹ Lợi

